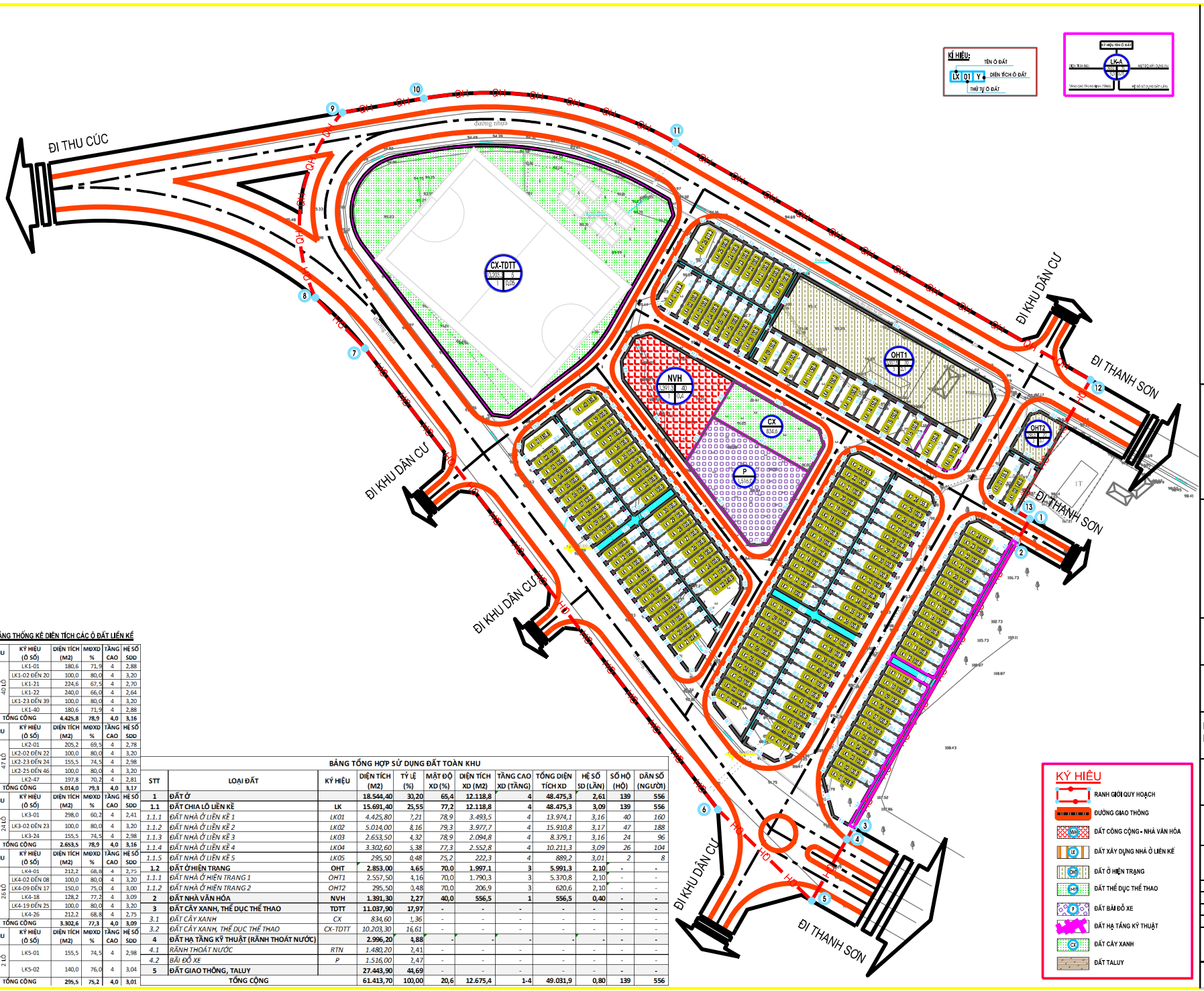

BẢNG TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC

TT	X	Y
1	2347534,6004	526722,3735
2	2347524,6165	526716,6665
3	2347402,6381	526646,9418
4	2347397,6070	526644,0659
5	2347371,3839	526629,0764
6	2347410,3841	526588,9736
7	2347607,5089	526438,0811
8	2347629,2023	526416,8384
9	2347708,3426	526428,4437
10	2347714,3854	526463,3501
11	2347695,4916	526570,8781
12	2347594,0714	526748,3052
13	2347538,1982	526716,3672

TỈ LỆ XÍCH 1 CM = 5M

GHI CHÚ:

+) 1, 2, 3.....: LÀ GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ KHU 2A, XÃ TÂN PHÚ, HUYỆN TÂN SƠN

- TỔNG DIỆN TÍCH: S = 61.413,7 M2
- ĐỊA ĐIỂM: TẠI XÃ TÂN PHÚ, HUYỆN TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ.

+) HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐƯỢC ĐẤU NỐI VÀO PHẠM VI HIỆN CÓ CỦA KHU VỰC.

+) BẢN VẼ ĐƯỢC LẬP TRÊN NỀN HIỆN TRẠNG HỆ TOẠ ĐỘ VÀ CAO ĐỘ NHÀ NƯỚC VN2000.

+) HƯỚNG DẪN CẮM MỐC: CẦN CỨ BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC VÀ KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ ĐỂ XÁC ĐỊNH.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND HUYỆN TÂN SƠN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ____/QĐ-UBND NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM 20__

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN TÂN SƠN

KÈM THEO BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ: ____ NGÀY/THÁNG/NĂM ____ THÁNG ____ NĂM 20__

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC HUYỆN TÂN SƠN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ____/TTr-BQLDA NGÀY ____ THÁNG ____ NĂM 20__

CƠ QUAN THỎA THUẬN
UBND XÃ TÂN PHÚ

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM :

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ KHU 2A, XÃ TÂN PHÚ, HUYỆN TÂN SƠN

(ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN PHÚ, HUYỆN TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ)

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIA LÔ

BẢN VẼ: 04	GHÉP Ở TỜ A0	TỈ LỆ: 1/500	THÁNG ..NĂM 202..
THIẾT KẾ - VẼ	TRẦN KHẮC CHUNG		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN TRUNG QUÂN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN TRUNG QUÂN		

GIÁM ĐỐC :

KHỔNG TUYỀN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY :
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẠI BẢO PHÁT
ĐỊA CHỈ: TỔ 17 KHU 6 - PHƯỜNG VĂN CƯ - TP. VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚC THỌ
TEL: 0973.641.666

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT CÔNG CỘNG - NHÀ VĂN HÓA
- ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG
- ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT TALUY

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC Ô ĐẤT LIỀN KỀ

KHU		KÝ HIỆU (Ô SỐ)	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD %	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD
KHU LK-1	40 LÔ	LK1-01	180,6	71,9	4	2,88
		LK1-02 ĐẾN 20	100,0	80,0	4	3,20
		LK1-21	224,6	67,5	4	2,70
		LK1-22	240,0	66,0	4	2,64
		LK1-23 ĐẾN 39	100,0	80,0	4	3,20
		LK1-40	180,6	71,9	4	2,88
TỔNG CỘNG			4.425,8	78,9	4,0	3,16
KHU		KÝ HIỆU (Ô SỐ)	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD %	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD
KHU LK-2	47 LÔ	LK2-01	205,2	69,5	4	2,78
		LK2-02 ĐẾN 22	100,0	80,0	4	3,20
		LK2-23 ĐẾN 24	155,5	74,5	4	2,98
		LK2-25 ĐẾN 46	100,0	80,0	4	3,20
		LK2-47	197,8	70,2	4	2,81
TỔNG CỘNG			5.014,0	79,3	4,0	3,17
KHU		KÝ HIỆU (Ô SỐ)	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD %	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD
KHU LK-3	24 LÔ	LK3-01	298,0	60,2	4	2,41
		LK3-02 ĐẾN 23	100,0	80,0	4	3,20
		LK3-24	155,5	74,5	4	2,98
TỔNG CỘNG			2.653,5	78,9	4,0	3,16
KHU		KÝ HIỆU (Ô SỐ)	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD %	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD
KHU LK-4	26 LÔ	LK4-01	212,2	68,8	4	2,75
		LK4-02 ĐẾN 08	100,0	80,0	4	3,20
		LK4-09 ĐẾN 17	150,0	75,0	4	3,00
		LK4-18	128,2	77,2	4	3,09
		LK4-19 ĐẾN 25	100,0	80,0	4	3,20
		LK4-26	212,2	68,8	4	2,75
TỔNG CỘNG			3.302,6	77,3	4,0	3,09
KHU		KÝ HIỆU (Ô SỐ)	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD %	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD
KHU LK-5	2 LÔ	LK5-01	155,5	74,5	4	2,98
		LK5-02	140,0	76,0	4	3,04
TỔNG CỘNG			295,5	75,2	4,0	3,01

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD (%)	DIỆN TÍCH XD (M2)	TẦNG CAO XD (TẦNG)	TỔNG DIỆN TÍCH XD	HỆ SỐ SD (LẦN)	SỐ HỘ (HỘ)	DÂN SỐ (NGƯỜI)
1	**ĐẤT Ở**		**18.544,40**	**30,20**	**65,4**	**12.118,8**	**4**	**48.475,3**	**2,61**	**139**	**556**
1.1	**ĐẤT CHIA LÔ LIỀN KỀ**	**LK**	**15.691,40**	**25,55**	**77,2**	**12.118,8**	**4**	**48.475,3**	**3,09**	**139**	**556**
1.1.1	*ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ 1*	*LK01*	*4.425,80*	*7,21*	*78,9*	*3.493,5*	*4*	*13.974,1*	*3,16*	*40*	*160*
1.1.2	*ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ 2*	*LK02*	*5.014,00*	*8,16*	*79,3*	*3.977,7*	*4*	*15.910,8*	*3,17*	*47*	*188*
1.1.3	*ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ 3*	*LK03*	*2.653,50*	*4,32*	*78,9*	*2.094,8*	*4*	*8.379,1*	*3,16*	*24*	*96*
1.1.4	*ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ 4*	*LK04*	*3.302,60*	*5,38*	*77,3*	*2.552,8*	*4*	*10.211,3*	*3,09*	*26*	*104*
1.1.5	*ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ 5*	*LK05*	*295,50*	*0,48*	*75,2*	*222,3*	*4*	*889,2*	*3,01*	*2*	*8*
1.2	**ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG**	**OHT**	**2.853,00**	**4,65**	**70,0**	**1.997,1**	**3**	**5.991,3**	**2,10**	**-**	**-**
1.1.1	*ĐẤT NHÀ Ở HIỆN TRẠNG 1*	*OHT1*	*2.557,50*	*4,16*	*70,0*	*1.790,3*	*3*	*5.370,8*	*2,10*	*-*	*-*
1.1.2	*ĐẤT NHÀ Ở HIỆN TRẠNG 2*	*OHT2*	*295,50*	*0,48*	*70,0*	*206,9*	*3*	*620,6*	*2,10*	*-*	*-*
2	**ĐẤT NHÀ VĂN HÓA**	**NVH**	**1.391,30**	**2,27**	**40,0**	**556,5**	**1**	**556,5**	**0,40**	**-**	**-**
3	**ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO**	**TDTT**	**11.037,90**	**17,97**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
3.1	*ĐẤT CÂY XANH*	*CX*	*834,60*	*1,36*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
3.2	*ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO*	*CX-TDTT*	*10.203,30*	*16,61*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
4	**ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT (RÃNH THOÁT NƯỚC)**		**2.996,20**	**4,88**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
4.1	*RÃNH THOÁT NƯỚC*	*RTN*	*1.480,20*	*2,41*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
4.2	*BÃI ĐỖ XE*	*P*	*1.516,00*	*2,47*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
5	**ĐẤT GIAO THÔNG, TALUY**		**27.443,90**	**44,69**							
	TỔNG CỘNG		**61.413,70**	**100,00**	**20,6**	**12.675,4**	**1-4**	**49.031,9**	**0,80**	**139**	**556**